

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

--- *** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----**

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày 29/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Ông Vũ Mạnh Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/HSST ngày 06/3/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 15/3/2018, đối với các bị cáo:

1. Ngô Đức T, Sinh năm 1964, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Ngô Xuân C và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ là Đỗ Thị V, có hai con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến ngày 28/12/2017 thì được thay thế biện. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn N, Sinh năm 1969, tại huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 4, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Ngô Văn C và bà Phạm Thị X (đều đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, có hai con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến

ngày 28/12/2017 thì được thay thế biện. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn T, Sinh năm 1972, tại huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Vũ Văn P và bà Hoàng Thị K; bị cáo có vợ là Trịnh Thị L, có ba con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến ngày 28/12/2017 thì được thay thế biện. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T, Sinh năm 1970, tại huyện M, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là Tô Thị T, có ba con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến ngày 28/12/2017 thì được thay thế biện. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đức T, Sinh năm 1976, tại huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 4, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Ông Nguyễn Đức M và bà Đỗ Thị V; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, có hai con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/12/2017 đến ngày 28/12/2017 thì được thay thế biện. Hiện bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 Bà Đỗ Thị V, Sinh năm 1970; Nơi cư trú: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Bùi Quang K, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2017, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N cùng với anh Bùi Quang K và chị Trần Thị H đến nhà Ngô Đức T ở buôn E, xã C, huyện K chơi và thăm bố vợ của Ngô Đức T đang bị ốm. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N rủ nhau đánh bài ăn tiền và nhờ Ngô Đức T đi mua bài về để chơi, Ngô Đức T đồng ý và đi mua 01 bộ bài Tú lơ khơ về rồi lấy một chiếc chiếu nhựa và một tấm thảm (thường dùng để lót ghế ngồi) bằng vải trải ở phòng bếp nhà mình cho những người trên ngồi đánh bài để thu tiền xâu. Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N thống nhất đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh bài phỏm, mỗi ván những người thua phải trả cho người thắng theo thứ tự từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng, nếu ván bài nào có người có bài “ù” (khi hạ bài không còn điểm nào) thì mỗi người thua phải trả cho người thắng 50.000 đồng và người thắng phải bỏ ra 10.000 đồng đóng tiền xâu cho Ngô Đức T. Khi ngồi vào đánh bài thì N bỏ ra 2.130.000 đồng, Vũ Văn T bỏ ra 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn T bỏ ra 1.000.000 đồng và Nguyễn Đức T bỏ ra 640.000 đồng để đánh bài. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày khi Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đang đánh bài ăn tiền thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 5.630.000 đồng và 140.000 đồng tiền xâu để trong hộp nhựa bên cạnh cùng các tang vật liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm: 5.770.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá, 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước 1,6m x 1,9m; 01 tấm thảm vải màu vàng, kích thước 50cm x 50cm; 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 23cm x 14cm x 9cm.

Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành trưng cầu định giá đối với căn phòng bếp mà Ngô Đức T đã sử dụng để cho các bị can đánh bạc. Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/2018/KL-HĐ992 ngày 15/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện EaKar kết luận: Căn phòng trên trị giá 28.320.147 đồng. Bị cáo Ngô Đức T đã tự nguyện nộp số tiền 14.160.000 đồng là trị giá của ½ căn phòng mà bị cáo đã sử dụng để cho các bị cáo khác đánh để sung công quỹ Nhà nước.

Tại bản cáo trạng số: 13/KSĐT-HS ngày 02/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Ngô Đức T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2017 các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N cùng anh K và chị H đến nhà bị cáo chơi thăm bố vợ bị cáo đang bị ốm. Sau khi ngồi chơi

đến khoảng 12 giờ 30 phút thì các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N rủ nhau đánh bài ăn tiền và nhờ bị cáo đi mua 01 bộ bài thì bị cáo đồng ý. Sau khi mua 01 bộ bài tú lơ khơ về thì bị cáo lấy một chiếc chiếu nhựa và một tấm thảm bằng vải trải ở phòng bếp nhà bị cáo cho các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đánh bài để thu tiền xâu. Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N thống nhất đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh bài phỏm. Quá trình đánh bài đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Ngô Văn N khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2017 bị cáo cùng các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức T cùng anh K và chị H đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi thăm bố vợ bị cáo Ngô Đức T đang bị ốm. Sau khi ngồi chơi đến khoảng 12 giờ 30 phút thì bị cáo, bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức T rủ nhau đánh bài ăn tiền và nhờ bị cáo Ngô Đức T đi mua một bộ bài và nói sẽ cho bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Các bị cáo thống nhất đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh bài phỏm, mỗi ván những người thua phải trả cho người thắng theo thứ tự từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng, nếu ván bài nào có người có bài “ù” thì mỗi người thua phải trả cho người thắng 50.000 đồng và người thắng phải bỏ ra 10.000 đồng đóng tiền xâu cho Ngô Đức T. Khi ngồi vào đánh bài bị cáo bỏ ra 2.130.000 đồng, đánh đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Vũ Văn T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào trưa ngày 25/12/2017 bị cáo cùng các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi, tại đây các bị cáo rủ nhau đánh bài phỏm ăn tiền và cho bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Khi ngồi vào đánh bài bị cáo bỏ ra 2.000.000 đồng, đánh đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào trưa ngày 25/12/2017 bị cáo cùng các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Ngô Văn N đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi, tại đây các bị cáo rủ nhau đánh bài phỏm ăn tiền và cho bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Khi ngồi vào đánh bài bị cáo bỏ ra 1.000.000 đồng, đánh đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào trưa ngày 25/12/2017 bị cáo cùng các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi, tại đây các bị cáo rủ nhau đánh bài phỏm ăn tiền và cho bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Khi ngồi vào đánh bài bị cáo bỏ ra 640.000 đồng, đánh đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị V trình bày: Bà V và bị cáo Ngô Đức T là vợ chồng chung sống với nhau, hiện đã có với nhau 02 con chung căn phòng bếp mà bị cáo T cho các bị cáo khác đánh bài là tài sản chung của vợ chồng bà V, nay bà tự nguyện để cho kê biên, tịch thu 1/2 giá trị căn phòng trên.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Bùi Quang K trình bày: Vào trưa ngày 25/12/2017 ông K, bà H cùng các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi thăm người ốm, đến khoảng 12 giờ 30 phút các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N rủ nhau đánh bài phỏm ăn tiền tại nhà bị cáo Ngô Đức T thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Bị cáo Ngô Đức T đi mua bài, chuẩn bị chiếu, tấm lót đặt ở dưới nhà bếp cho các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đánh, bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu, ông K và bà H ngồi xem đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 5.630.000 đồng và 140.000 đồng tiền xâu để trong hộp nhựa bên cạnh cùng các tang vật liên quan.

Quá trình điều tra người làm chứng bà Trần Thị H trình bày: Vào trưa ngày 25/12/2017 ông K, bà H cùng các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đến nhà bị cáo Ngô Đức T chơi thăm người ốm, đến khoảng 12 giờ 30 phút các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N rủ nhau đánh bài phỏm ăn tiền tại nhà bị cáo Ngô Đức T thì bị cáo Ngô Đức T đồng ý. Bị cáo Ngô Đức T đi mua bài, chuẩn bị chiếu, tấm lót đặt ở dưới nhà bếp cho các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đánh, bị cáo Ngô Đức T thu tiền xâu, bà H và ông K ngồi xem đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 5.630.000 đồng và 140.000 đồng tiền xâu để trong hộp nhựa bên cạnh cùng các tang vật liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.770.000 đồng thu giữ tại sông bạc, đây là số tiền các bị can dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu số tiền 14.160.000 đồng mà bị can Ngô Đức T đã tự nguyện nộp để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá, 01 chiếc nhựa màu xanh, kích thước 1,6m x 1,9m; 01 tấm thảm vải màu vàng, kích thước 50cm x 50cm; 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 23cm x 14cm x 9cm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài phỏm được thua bằng tiền là phạm tội “Đánh bạc”, hành vi của bị cáo Ngô Đức T cho các bị cáo mượn địa điểm và cung cấp dụng cụ dùng vào việc đánh bạc để thu tiền xâu là đồng phạm về tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 248 của bộ luật hình sự năm 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của

Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2.....

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật dưới mọi hình thức, mọi hành vi vi phạm đều bị trừng trị. Tệ nạn đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2017 các bị cáo đã rủ rê nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài phỏm, được thua bằng tiền, bị cáo Ngô Đức T cho các bị cáo khác mượn địa điểm và cung cấp các dụng cụ dùng vào việc đánh bạc để sát phạt nhau. Cho nên đối với các bị cáo phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, bị cáo Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T là người trực tiếp đánh bạc, bị cáo Ngô Đức T cho các bị cáo mượn địa điểm và cung cấp dụng cụ dùng vào việc đánh bạc, nhưng tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo là ngang nhau nên áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo ngang nhau là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đều xuất phát từ thành phần nhân dân lao động, hành vi phạm tội là bộc phát, tức thời. Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N có thời gian phục vụ trong quân đội, bị cáo Ngô Đức T có bố là Ngô Xuân C là người có công với cánh mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 của bộ luật hình sự năm 1999 nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Xét thấy các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều làm nông, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu huỷ: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá, 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước 1,6m x 1,9m; 01 tấm thảm vải màu vàng, kích thước 50cm x 50cm; 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 23cm x 14cm x 9cm.

Tịch thu số tiền 5.770.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại chiếu, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội sung công quỹ nhà nước. (Theo biên lai thu tiền số 0007590 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

(Số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2018 giữa Cơ quan cảnh Sát điều tra Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

Đối với căn phòng bếp có diện tích 5,3m x 5,9m tại buôn E, xã C, huyện K là nơi bị cáo Ngô Đức T sử dụng cho các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T, Ngô Văn N đánh bạc là tài sản chung của bị cáo Ngô Đức T và bà Đỗ Thị V, theo kết luận định giá, căn phòng trên có trị giá 28.320.000 đồng, bị cáo Ngô Đức T đã tự nguyện nộp số tiền 14.160.000 đồng là trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng trên nên tịch thu 14.160.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam để sung công quỹ Nhà nước mà bị cáo Ngô Đức T đã nộp tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar (theo biên lai thu tiền số 0007537 ngày 19/3/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

[8] Về án phí: Các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt: Bị cáo Ngô Đức T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
2. Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn N 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

5. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện P, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá, 01 chiếu nhựa màu xanh, kích thước 1,6m x 1,9m; 01 tấm thảm vải màu vàng, kích thước 50cm x 50cm; 01 hộp nhựa màu trắng, kích thước 23cm x 14cm x 9cm.

Tịch thu số tiền 5.770.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại chiếu, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội sung công quỹ nhà nước. (Theo biên lai thu tiền số 0007590 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

(Số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/3/2018 giữa Cơ quan cảnh Sát điều tra Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

Tịch thu của bị cáo Ngô Đức T 14.160.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là giá trị $\frac{1}{2}$ căn phòng sử dụng vào việc đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ số tiền 14.160.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar (theo biên lai thu tiền số 0007537 ngày 19/3/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Ngô Đức T, Ngô Văn N, Vũ Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện EaKar;
- Chi cục THA huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tối cao;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh